

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **360/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 20/9/2022

*“V/v: Không công nhận quan hệ
vợ chồng”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Đăng Khoa.

Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa: Bà Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 2279/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 về việc: *“Không công nhận quan hệ vợ chồng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 367/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/8/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Trần L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: khu phố 3, đường C, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Phạm Ngọc Đ, sinh năm 1992.

Địa chỉ: hẻm 2, tổ 39C, khu phố M, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(bà L, ông Đ có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Trần L trình bày:

Bà và ông Phạm Ngọc Đ có tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới ngày 01/12/2019, tuy nhiên không đăng ký kết hôn. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Từ tháng 02/2020, bà và ông Đ đã sống ly thân với nhau. Nay mục đích hôn nhân không đạt được, do vợ chồng không đăng ký kết hôn nên bà đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Phạm Ngọc Đ.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Tại bản tự khai, bị đơn ông Phạm Ngọc Đ trình bày:

Ông và bà Nguyễn Trần L có tổ chức đám cưới ngày 01/12/2019, tuy nhiên, ông bà không đăng ký kết hôn. Qua thời gian chung sống, hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hòa giải được. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2020 đến nay. Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà L thì ông đồng ý.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

*** Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của bà Nguyễn Trần L. Không công nhận bà Nguyễn Trần L và ông Phạm Ngọc Đ là vợ chồng.

+ Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: bà L phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Trần L làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Phạm Ngọc Đ. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật là “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn có địa chỉ cư trú thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về việc giải quyết vắng mặt các đương sự: Bà Nguyễn Trần L và ông Phạm Ngọc Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Ngọc Đ và bà Nguyễn Trần L sống chung với nhau vào năm 2019, nhưng không đăng ký kết hôn nên không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay bà L đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Đ, Tòa án căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của bà L:

Bà Nguyễn Trần L trình bày: bà và ông Phạm Ngọc Đ tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau năm 2019 nhưng không đăng ký kết hôn. Điều này cũng được ông Đ thừa nhận. Nay bà L đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Đ thì ông Đ cũng đồng ý.

Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này.* Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.*

Xét thấy, bà Nguyễn Trần L và ông Phạm Ngọc Đ đều có đủ điều kiện kết

hôn theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, bà L và ông Đ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên không được công nhận là hôn nhân hợp pháp, không phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông Đ.

[4] Về con chung: Không có, nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Không có, nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 203, Điều 235, điểm a, b khoản 1 Điều 238, 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng Điều 8, 14, 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu của bà Nguyễn Trần L. Không công nhận bà Nguyễn Trần L và ông Phạm Ngọc Đ là vợ chồng.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 03824 ngày 19/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND thành phố Biên Hòa (2);
- THA Dân sự thành phố Biên Hòa (1);
- Đương sự (4)
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thanh Thủy

